

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 22/11/2022

*“Tranh chấp về thừa kế tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Huy Hùng

- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Thương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Lã Việt Anh - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: **“Tranh chấp về thừa kế tài sản”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 29/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-DS ngày 26/10/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn L**, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Chị **Mai Thị L**, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 5, khu 4B, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Luật sư **Phạm Thị L** – công ty Luật TNHH Tiến Đông chi nhánh số 2; địa chỉ: Tổ 3, khu 5, phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Vũ Văn V**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

2) Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Tổ 2, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

3) Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Văn L trình bày:*

Tôi (L) kết hôn với bà Bùi Thị N năm 1972 và sinh được 04 người con gồm: Vũ Văn V, Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Thị H. Quá trình chung sống vợ chồng tôi tạo dựng được khối tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 1075 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A503898 do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên Vũ Văn L. Năm 2002, bà N chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế mà bà N để lại do tôi quản lý và sử dụng. Năm 2010 tôi và các con đã thống nhất chuyển nhượng một phần đất cho ông Trương Hữu T để lấy tiền xây sửa lại ngôi nhà cũ đã xuống cấp nghiêm trọng, diện tích đất chuyển nhượng là 204 m<sup>2</sup>, trong đó: 50 m<sup>2</sup> đất ở và 154 m<sup>2</sup> đất vườn. Diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng là 871 m<sup>2</sup> trong đó có 150 m<sup>2</sup> đất ở và 721 m<sup>2</sup> đất vườn.

Năm 2020, do ngôi nhà cấp 4 của vợ tôi xuống cấp nên các con gái đã thống nhất góp tiền xây dựng cho tôi một căn nhà mới bên cạnh trị giá khoảng 500.000.000 đồng.

Di sản thừa kế của vợ tôi (bà N) để lại là ½ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số A503898 do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên tôi (Vũ Văn L); diện tích ½ thửa đất là 435,5 m<sup>2</sup> (diện tích đất thực tế còn lại đang sử dụng là 431,8m<sup>2</sup>); trên phần đất thuộc phần di sản bà N để lại còn có những tài sản gắn liền với đất là: 01 ngôi nhà cấp 4, bếp và bể nước được xây dựng đã lâu, xuống cấp nghiêm trọng không còn giá trị sử dụng; 01 nhà vệ sinh; 07 cây cau; 02 cây nhãn; 01 cây vải; 01 cây hồng.

Do anh Vũ Văn V là con trai cả, không đồng ý chia di sản thừa kế nên tôi (L) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà N để lại. Sau khi tham khảo ý kiến của các con gái là chị H, chị H và chị H và căn cứ vào thực tế diện tích đất đang sử dụng tôi và các con gái đã thỏa thuận diện tích thửa đất của vợ chồng chúng tôi được chia đôi theo chiều dài bám mặt đường xóm, nên ½ diện tích đất của tôi sẽ nhiều hơn phần di sản của bà N để lại là 26,4m<sup>2</sup> (vì sau khi bà N mất vào năm 2002, đến năm 2020 tôi đã xây dựng một ngôi nhà mái bằng lợp tôn trên phần đất của hai vợ chồng). Quan điểm của tôi là đề nghị được hưởng phần di sản bằng hiện vật (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) và sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt cho các đồng thừa kế tương ứng với phần họ được hưởng. Đối với phần di sản thừa kế mà tôi được hưởng tôi sẽ nhận ô đất số 5 (theo sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 05/7/2022) tổng diện tích 82,8 m<sup>2</sup> tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 18.893.400 đồng.

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Mai Thị L có quan điểm trình bày như nguyên đơn.

*Bị đơn anh Vũ Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh V trình bày:*

Quá trình chung sống bố mẹ tôi có tạo dựng một khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 503898 do Ủy ban nhân dân thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên ông Vũ Văn L. Diện tích thửa đất là 1075 m<sup>2</sup> địa chỉ tại tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2010 bố tôi và những người thừa kế đã chuyển nhượng một phần đất cho ông Trương Hữu T, diện tích đất chuyển nhượng là 204 m<sup>2</sup>, trong đó: 50 m<sup>2</sup> đất ở và 154 m<sup>2</sup> đất vườn. Diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng là 871 m<sup>2</sup> trong đó 150 m<sup>2</sup> đất ở và 721 m<sup>2</sup> đất vườn. Năm 2002 mẹ tôi chết không để lại di chúc phần di sản thừa kế mẹ tôi để lại là ½ diện tích đất đã nêu trên là 435,5 m<sup>2</sup>. Nay bố tôi yêu cầu chia di sản thừa kế quan điểm của tôi là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Thị Hà cùng trình bày:*

Năm 2002, mẹ chúng tôi chết không để lại di chúc. Năm 2010, bố chúng tôi và các anh chị em đã thống nhất chuyển nhượng một phần đất cho ông Trương Hữu T, diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng là 871 m<sup>2</sup> trong đó 150 m<sup>2</sup> đất ở và 721 m<sup>2</sup> đất vườn.

Nay bố chúng tôi yêu cầu chia di sản thừa kế là ½ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số A503898 do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên ông Vũ Văn L; diện tích thửa đất là 435,5 m<sup>2</sup>, quan điểm của chúng tôi là: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bố. Chúng tôi đồng ý nhận phần thừa kế mà chúng tôi được hưởng. Sau khi nhận phần tài sản thừa kế chúng tôi để lại cho bố. Vị trí thửa đất và giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thống nhất theo biên bản làm việc ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cụ thể như sau:

Chị Vũ Thị H đề nghị được nhận ô đất số 4 tổng diện tích 83,1 m<sup>2</sup> tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 18.109.300 đồng.

Chị Vũ Thị H đề nghị được nhận ô đất số 3 tổng diện tích 83,3 m<sup>2</sup> tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 22.471.049 đồng.

Chị Vũ Thị H đề nghị được nhận ô đất số 2 tổng diện tích 83,5 m<sup>2</sup> tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 17.730.500 đồng.

*Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2022 xác định:*

- Diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 871 m<sup>2</sup>.
- Diện tích đất sử dụng thực tế là: 863,6 m<sup>2</sup>.
- Về tài sản trên đất:
  - + Trên đất có xây dựng ngôi nhà cấp bốn đã cũ được xây dựng năm 1982 và ngôi nhà 01 tầng xây gạch xi máng lợp tôn được xây dựng năm 2020.
  - + Ngoài ra, trên đất có xây dựng bể nước, bếp đã cũ nhưng vẫn đang sử dụng.

+ Trên đất có ao và có trồng một số cây ăn quả như: 04 cây vải, 02 cây nhãn, 01 cây hồng và 18 cây cau.

*Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/7/2022 xác định:*

+ Về đất ở:  $75 \text{ m}^2 \times 900.000 \text{ đồng}/01 \text{ m}^2 \times 1,0 = 67.500.000 \text{ đồng}$ .

+ Về đất trồng cây lâu năm:  $360,5 \text{ m}^2 \times 53.000 \text{ đồng}/01 \text{ m}^2 = 19.106.500 \text{ đồng}$ .

+ Về ngôi nhà cấp bốn được xây dựng năm 1982, bếp và bể nước đã hết khấu hao, giá trị còn lại là 0 đồng.

+ Nhà vệ sinh: Giá trị là 4.451.149 đồng.

+ 07 cây cau có giá trị là 2.100.000 đồng.

+ 02 cây nhãn có giá trị là 1.400.000 đồng.

+ 01 cây vải có giá trị là 900.000 đồng.

+ 01 cây hồng có giá trị là 600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản được yêu cầu định giá tại thời điểm định giá tháng 7/2022 là: 96.057.649 đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Thị L trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án và phân tranh tụng tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông L, bà N có tạo lập được khối tài sản chung đúng như ông L và các con của ông L bà N đã trình bày. Năm 2002, bà N chết không để lại di chúc nên ông L khởi kiện chia di sản thừa kế của bà N để lại cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm ông L, anh V, chị H, chị H và chị H là có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 688 và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về di sản do bà N để lại gồm  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa đất số: A 503898 do Ủy ban nhân dân thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên ông Vũ Văn L với diện tích đất là  $871 \text{ m}^2$  trong đó  $150 \text{ m}^2$  đất ở và  $721 \text{ m}^2$  đất vườn cùng với tài sản gắn liền với đất. Đề nghị HĐXX chia phần di sản của bà N để lại thành 05 kỷ phần cho các đồng thừa kế theo biên bản làm việc ngày 06/9/2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí; cụ thể: ông Vũ Văn L được nhận ô đất số 5 diện tích  $82,8 \text{ m}^2$  và tài sản gắn liền với đất. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 4 diện tích  $83,1 \text{ m}^2$  và tài sản gắn liền với đất. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 3 diện tích  $83,3 \text{ m}^2$  và tài sản gắn liền với đất. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 2 diện tích  $83,5 \text{ m}^2$  và tài sản gắn liền với đất. Còn ô đất số 1 diện tích  $85,9 \text{ m}^2$  và tài sản gắn liền với đất giao cho anh V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã tiến hành thụ lý đúng thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự pháp luật quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, đối tượng tranh chấp là bất động sản có địa chỉ tại tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn V đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về pháp luật áp dụng:** Bà Bùi Thị N chết ngày 07 tháng 8 năm 2002, trước ngày Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, do vậy khi giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 1995 để giải quyết.

**[2.2] Về thời hiệu khởi kiện:** Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu trong vụ án này được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản nên nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản là có căn cứ pháp luật.

**[2.3] Về hàng thừa kế:** Ông Vũ Văn L và bà Bùi Thị N có 04 người con đẻ, không có con nuôi, bà N cũng không có con riêng, bố mẹ của bà Bùi Thị N đều đã chết. Như vậy, khi bà Bùi Thị N chết thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Ông Vũ Văn L, anh Vũ Văn V, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H và chị Vũ Thị H.

### **[2.4] Về di sản thừa kế:**

Ông Vũ Văn V và bà Bùi Thị N quá trình chung sống có tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất là 1075 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại tổ 1, khu B 2, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A503898 do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/02/1991 mang tên ông Vũ Văn L. Đến năm 2010, ông L và các con đã thống nhất chuyển nhượng một phần đất cho ông Trương Hữu T diện tích đất chuyển nhượng là 204 m<sup>2</sup>, trong đó: 50 m<sup>2</sup> đất ở và 154 m<sup>2</sup> đất vườn. Diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng là 871 m<sup>2</sup> trong đó 150 m<sup>2</sup> đất ở và 721 m<sup>2</sup> đất vườn.

Tại Sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất lập tháng 7/2022 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí, diện tích đất đang sử dụng thực tế là 863,6 m<sup>2</sup>, diện tích đất thiếu hụt so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7,4 m<sup>2</sup>. Vì vậy HĐXX chỉ xem xét chia phần diện tích đất thực tế đang sử dụng.

Năm 2020, do ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông L xuống cấp nên ông L đã xây dựng ngôi nhà 01 tầng bên cạnh. Do vậy, xác định di sản thừa kế là ½ thửa đất mà trên đất có xây dựng ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông L từ năm 1982 tương ứng diện tích là 435,5 m<sup>2</sup>. Căn cứ diện tích đất bám mặt đường tại phần di sản thừa

kế chia thành 5 ô đất có chiều rộng bằng nhau là 2,52 m. Do diện tích đất được cấp giấy chứng nhận bị thiếu hụt so với thực tế và căn cứ chia thừa kế theo hiện trạng của thửa đất nên xác định di sản thừa kế là thửa đất có tổng diện tích là 418,6 m<sup>2</sup> bị thiếu 16,9 m<sup>2</sup> so với diện tích ½ thửa đất là 435,5 m<sup>2</sup> được chia thành 5 ô đất như sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất lập tháng 7/2022 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí.

Tài sản trên đất đối với phần di sản thừa kế bao gồm: Ngôi nhà cấp bốn được xây dựng năm 1982, bếp và bể nước đã hết khấu hao, giá trị còn lại là 0 đồng; Nhà vệ sinh: Giá trị là 4.451.149 đồng; 07 cây cau có giá trị là 2.100.000 đồng; 02 cây nhãn có giá trị là 1.400.000 đồng; 01 cây vải có giá trị là 900.000 đồng và 01 cây hồng có giá trị là 600.000 đồng.

**[2.5] Về phân chia di sản thừa kế:**

Do bà N chết không để lại di chúc nên ông L khởi kiện chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Quyết định số:1768/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định về việc ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh quy định diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa không nhỏ hơn 45m<sup>2</sup>, chiều rộng (chiều bám đường) và chiều sâu không nhỏ hơn 4,5m.

Tại biên bản làm việc ngày 06/9/2022 và tại phiên tòa ông Vũ Văn L có quan điểm được nhận ô đất số 5 tổng diện tích 82,8 m<sup>2</sup> trong đó có 15m<sup>2</sup> đất ở, 67,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 06 cây cau, tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 18.893.400 đồng. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 4 tổng diện tích 83,1 m<sup>2</sup> trong đó 15m<sup>2</sup> đất ở, 68,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 01 cây cau, 01 cây nhãn năm tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 18.109.300 đồng. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 3 tổng diện tích 83,3 m<sup>2</sup> trong đó 15m<sup>2</sup> đất ở và 68,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 22.471.049 đồng. Chị Vũ Thị H nhận ô đất số 2 tổng diện tích 83,5 m<sup>2</sup> trong đó 15m<sup>2</sup> đất ở và 68,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 17.730.500 đồng. Sau khi được phân chia di sản, kỷ phần của chị H, chị H và chị Hà đều cho lại ông L và không yêu cầu ông L không phải thanh toán lại giá trị tài sản. Đối với anh Vũ Văn V vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự là ông L, chị H, chị H, chị H đều thống nhất để ô đất số 1 cho anh V tổng diện tích 85,9 m<sup>2</sup> trong đó 15m<sup>2</sup> đất ở và 70,9 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 17.957.700 đồng.

Tuy nhiên sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ phân chia di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà N để lại thì mỗi kỷ phần là quyền sử dụng đất chỉ có chiều rộng bám mặt đường của mỗi ô đất là 2,52m và diện tích đất ở là 15 m<sup>2</sup> thì kỷ phần thừa kế mà mỗi người được hưởng không đủ điều kiện để tách thửa. Vì vậy không chia được bằng hiện vật mà sẽ chia bằng giá trị (bằng tiền). Xét thấy, việc các chị H, H, H để lại kỷ

phần mà các chị được hưởng cho ông L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/7/2022, giá trị tài sản cần định giá là 96.057.649 đồng trong đó có 75 m<sup>2</sup> đất ở và 360,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, tổng diện tích đất thực tế đối với phần di sản thừa kế là 418,6 m<sup>2</sup> trong đó có 75 m<sup>2</sup> đất ở và 343,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Do vậy, tổng giá trị tài sản đối với di sản thừa kế là: 96.057.649 đồng – (16,9 m<sup>2</sup> x 53.000 đồng/01m<sup>2</sup>) = 95.161.949 đồng.

Đối với kỷ phần mà anh V được hưởng là 1/5 giá trị phần di sản do bà N để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng do không đủ điều kiện để tách thửa nên giao cho ông Vũ Văn L phần di sản của anh V là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đồng thời ông L phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Vũ Văn V bằng tiền, cụ thể: Tổng giá trị tài sản (di sản do bà N để lại) là 95.161.949 đồng : 5 = 19.032.389 đồng.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, HĐXX giao cho ông Vũ Văn L được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất tại các ô đất số 5,4,3,2,1 theo sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất tổng diện tích đất là 418,6 m<sup>2</sup> trong đó có 75 m<sup>2</sup> đất ở và 343,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3] Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng ông Vũ Văn L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 14.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự ông L, chị H, chị H, chị H và anh V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần di sản mà ông L, chị H, chị H, chị H và anh V được chia. Ông Vũ Văn L đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 14.000.000 đồng, chị H phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 2.800.000 đồng; chị H có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 2.800.000 đồng; chị H phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 2.800.000 đồng và anh V phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 2.800.000 đồng.

**[4] Về án phí:** Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 thì ông Vũ Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên kỷ phần của ông L được hưởng sẽ được miễn án phí. Các đương sự còn lại được chia di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản mà mình được hưởng.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: - Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 634; 636; 637; 677; 678 và Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 357; 468; 623 và Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” của ông Vũ Văn L.

2. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

Giao cho ông Vũ Văn L được toàn quyền sử dụng phần di sản do bà Bùi Thị N để lại là diện tích đất 418,6 m<sup>2</sup> và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Ông Vũ Văn L có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Vũ Văn V là 19.032.389 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Về chi phí tố tụng:

Chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn V mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Văn L số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn L (người cao tuổi).

Buộc anh Vũ Văn V, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H và chị Vũ Thị H, mỗi người phải chịu 951.619đ (Chín trăm năm mươi một nghìn sáu trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi*



*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Uông Bí;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng ninh
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Huy Hùng**



